

Bản án số: 26/2018/HSST
Ngày: 12/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và ông Nguyễn Văn Ton.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Năm- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D**- Sinh ngày 23/5/1982, tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ĐKNKTT: Thôn H2, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ và bà: Trần Thị V; Có vợ là: Nguyễn Thị Huyền T (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2010;

Tiền án:

- Ngày 12.4.2005, Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 42 tháng tù, về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Ngày 03/3/2008, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 15.12.2009, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 42 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 11/12/2012, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 24/5/2001, Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 04 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tháng 7/2013, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 21/02/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 36 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/12/2016, hiện đang cải tạo tại Trại giam Quyết Tiến (Tuyên Quang) theo bản số án số 58/2017/HSPT ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân

cấp cao tại Hà Nội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hiện đã trích xuất về Nhà tạm giữ Công an thành phố Cẩm Phả, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại có mặt tại phiên tòa:

1. Anh Vũ Đức T- sinh năm 1970. Trú tại: tổ 2, khu 4C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Nguyễn Ngọc T1- sinh năm 1962. Trú tại: tổ 35, khu 3, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị Ái L- sinh năm 1979. Trú tại: tổ 35, khu 3, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

- Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa:

1. Anh Võ Quang A- sinh năm 1972. Trú tại: tổ 4, khu 4B, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Võ Quang H- sinh năm 1977. Trú tại: tổ 4, khu 4B, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

3. Bà Tô Thị T- sinh năm 1936. Trú tại: Khu 8, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

4. Anh Nguyễn Văn V- sinh năm 1962. Trú tại: Đông Sơn, Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

5. Ông Hoàng Đức V- sinh năm 1947. Trú tại: Đông Hợp, Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

6. Ông Mạc Văn T- sinh năm 1954. Trú tại: tổ 21, khu 2B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

7. Chị Nguyễn Thị D- sinh năm 1990. Trú tại: xóm 6, thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

8. Anh Đỗ Ngọc T- sinh năm 1968. Trú tại: tổ 4, khu 4B, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

9. Ông Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1956. Trú tại: tổ 6, khu 7A, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/5/2015, Nguyễn Văn D bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng biện pháp bảo lãnh cho tại ngoại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Cuối năm 2015, D đến tổ 6, khu 7A, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, ở cùng bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị V. Đến đầu năm 2016, D nhận chặt gỗ keo khai thác rừng và mua gỗ keo của anh Võ Quang H (trú tại tổ 4, khu 4B, phường Q), rồi thuê một số nhân công để thực hiện. D thuê nhà số 662, đường Đặng Châu Tuệ, thuộc tổ 1, khu 10, phường Q, của ông Đỗ Ngọc T, để cho những người làm và D ở. Đồng thời, thuê máy băm dăm ở xưởng băm thuộc tổ 3, khu 9B, phường Q, của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đình Long do ông Đặng Đình L làm giám đốc, tập kết gỗ keo mua của anh H về băm dăm, rồi thuê xe chở

bán cho Công ty cổ phần 12/11 HL và Công ty cổ phần cảng TH. Sau đó đến khoảng tháng 3/2016, do làm ăn thua lỗ, D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Nguyễn Văn D biết anh Vũ Đức T (trú tại: Tổ 2, khu 4C, phường H, thành phố H) từ khoảng tháng 01/2016. Trong quá trình giao tiếp với anh T, D nói dối là D thành lập Công ty được khoảng 01 năm, chuyên mua rừng, khai thác gỗ keo, băm dăm bán. Đến khoảng tháng 3/2016, D dẫn anh T đến nhà số 662 (do D thuê của ông T), giới thiệu đó là nhà D thuê làm văn phòng giao dịch của Công ty; D nói có xưởng băm dăm, rồi dẫn anh T đến xưởng băm dăm của Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Đình Long để giới thiệu và thăm quan. Sau đó, D nói với anh T hiện Công ty không có xe ô tô chở keo, mỗi ngày phải thuê 02 đến 03 chuyến xe vận chuyển giá cao từ rừng khai thác về xưởng băm. D rủ anh T góp tiền mua xe ô tô tải hiệu Thaco để chở gỗ, theo tỷ lệ D 01 phần, anh T 02 phần. Nghe D nói vậy, anh T tưởng D có ý định mua xe thật, nên đồng ý, với điều kiện đăng ký xe mang tên anh T. Tiếp đó, để củng cố thêm niềm tin đối với anh T, D đã đến Công ty cổ phần ô tô Trường Hải - chi nhánh Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, lấy báo giá xe đưa cho anh T xem và giả vờ thống nhất với anh T chung tiền mua xe tải hiệu Thaco giá 510 triệu đồng. Với tỷ lệ theo thỏa thuận, thì D góp 170 triệu đồng, còn anh T góp 340 triệu đồng, anh T đồng ý. Ngày 22/3/2016, tại số nhà 662 Đặng Châu Tuệ, phường Q, anh T giao cho D 206.000.000đồng. D viết giấy biên nhận, nội dung “Tôi Nguyễn Văn D, ... nhận của anh Vũ Đức T số tiền 206 triệu đồng tiền mua xe chung”. Đến ngày 24/3/2016, anh T giao tiếp cho D 60 triệu đồng, anh T viết tiếp vào phía sau giấy biên nhận trên, nội dung “Anh D nhận thêm 60.000.000đồng”, D ký tên người nhận. Tiếp đến ngày 25/3/2016, anh T giao cho D 74 triệu đồng. Lần này, anh T ghi tiếp sau lần nhận tiền ngày 24/3/2016, nội dung “Chị (vợ anh D) nhận thêm 74.000.000đồng”. Chị Nguyễn Thị Diên (D giới thiệu với anh T là vợ 2) nhận, đếm tiền, ký ghi họ tên người nhận bên dưới là “Nguyễn Thị Diên” rồi chuyển luôn tiền cho D. Tổng cộng anh T giao D 340 triệu đồng. Sau đó, D không mua xe ô tô mà sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân.

Vụ thứ hai: Nguyễn Văn D quen biết vợ chồng chị Nguyễn Thị Ái L và anh Nguyễn Ngọc T1 (hiện trú tại tổ 35 khu 4B, phường C, thành phố C) từ khoảng tháng 4 năm 2016. Đến khoảng tháng 5/2016, sau khi chiếm đoạt tiền của anh Vũ Đức T. Anh T giục hỏi D nhiều lần lấy xe chưa, D nói dối đặt cọc mua xe rồi, chờ lắp đặt thiết bị. Nhưng sợ bị anh T phát hiện D lừa lấy tiền, D nảy sinh ý định lừa lấy tiền của vợ chồng chị L, sử dụng một phần đặt cọc làm hợp đồng mua xe để đưa anh T xem, tin lời D nói dối, thì sẽ không hỏi và giục lấy xe về. Với thủ đoạn tương tự như đối với anh T nêu trên, D dẫn vợ chồng chị L, anh T1 đến nhà số 662 và xưởng băm dăm của công ty TNHH Đình Long, giới thiệu là văn phòng và xưởng băm dăm của Công ty do D làm chủ. Sau đó, D nói với vợ chồng chị L, hiện đang phải thuê phương tiện vận chuyển gỗ keo chở từ rừng về xưởng với giá cao và rủ góp tiền mua chung xe ô tô làm ăn với D. Đến ngày 18/5/2016, D biết vợ chồng chị L, anh T1 mới bán nhà có tiền, nên đặt vấn đề với vợ chồng chị L góp 100 triệu đồng với D để mua xe trả góp. Vợ chồng chị L, anh T1 thấy D cũng thuê người chặt gỗ keo và được D dẫn đến giới thiệu văn phòng giao dịch và xưởng

băm dăm là của D, tin D có ý định mua xe ô tô thật nên đồng ý và đưa cho D 100 triệu đồng, nhưng không viết giấy biên nhận. Đồng thời, D biết vợ chồng chị L mất sổ hộ khẩu, D nói cũng không có khẩu ở Quảng Ninh, vì vậy D nhờ bạn là anh Vũ Đức T đứng tên chủ hợp đồng mua xe. Chị L, anh T1 tưởng thật nên đồng ý. Sau khi nhận được tiền của vợ chồng chị L, anh T1, D và anh T1 đến Công ty cổ phần ô tô Trường Hải - chi nhánh Hạ Long ở phường Bãi Cháy, D lấy 40 triệu đồng và trực tiếp làm hợp đồng, đặt cọc mua xe giá 378 triệu đồng mang tên anh Vũ Đức T, rồi nói dối vợ chồng chị L, anh T1 là đặt cọc mua xe mang tên anh T như thỏa thuận. Sau đó, D đưa cho anh T xem hợp đồng đặt cọc và tiếp tục nói dối đã đặt cọc 40 triệu đồng, xe về rồi, đang lắp điều hòa, phụ kiện như sự tính toán của D.

Về phía anh T, thấy lâu D không lấy xe về, sau đó thấy D chỉ đặt cọc 40 triệu đồng làm hợp đồng mua xe. Anh T nghi ngờ nên đã yêu cầu D trả lại tiền, thì D thú nhận với anh T là D không mua xe mà chỉ tiêu hết số tiền của anh T. D trả anh T 15 triệu đồng, hứa còn lại sẽ trả dần. Anh T yêu cầu thanh lý hợp đồng không mua xe nữa. Đến ngày 17/6/2016, D thanh lý hợp đồng mua xe, lấy lại 40 triệu đồng, trả cho anh T 25 triệu đồng. Tổng số tiền D đã trả được cho anh T 40 triệu đồng. Sau đó, anh T nhiều lần đòi tiền, thì D nói dối chưa thu hồi được tiền hàng nên chưa có trả, chỉ khát lần. Đối với vợ chồng chị L, anh T1, sau khi giao tiền cho D, không thấy D lấy xe về. Chị L, anh T1 hỏi D, thì D thừa nhận là không mua xe, chỉ tiêu hết vào mục đích khác và hứa trả sau. Đến ngày 25/5/2016, D mới viết giấy vay nợ tiền vợ chồng chị L, trong đó có nội dung: “ông T1 đồng ý chung 100 triệu đồng mua xe chung”. Sau đó, D bỏ đi khỏi địa phương. Biết bị D lừa đảo, chị Nguyễn Thị Avà anh Vũ Đức T đã đến Cơ quan điều tra trình báo và giao nộp các giấy biên nhận tiền do D ký nhận.

Tại Kết luận giám định số 03 ngày 05/12/2016 và số 10 ngày 22/11/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Chữ viết và ký trong các tài liệu giám định gồm: 01 “Giấy biên nhận” ghi ngày 22/3/2016; 01 “Giấy vay tiền” ghi người vay là Nguyễn Văn D, đề ngày 25/5/2016 (ký hiệu A01 và A04) mang tên Nguyễn Văn D và bản tự khai của “Nguyễn Văn D”, do cùng 01 người viết và ký ra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 14/KS-ĐTHS ngày 10/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố Nguyễn Văn D về tội: ***"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*** theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội: ***"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*** và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt:

Nguyễn Văn D từ 09 năm đến 10 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 58/2017/HSPT ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 12 đến 13 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2016 (ngày bị cáo bị bắt tạm giam theo bản án

số 58/2017/HSPT ngày 21/02/2017). Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/5/2015 đến ngày 11/6/2015.

Buộc bị cáo phải trả cho: anh Vũ Đức T 300.000.000 đồng, anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Ái L 100.000.000 đồng.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và năm 2015. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với nội dung vụ án mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố bị cáo.

Những người bị hại: anh Vũ Đức T và vợ chồng anh chị Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị A có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về việc các anh chị bị bị cáo lừa rủ góp tiền mua xe ô tô chung để chiếm đoạt của anh T số tiền 340.000.000đồng, chiếm đoạt của anh chị T1, L số tiền 100.000.000đồng.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với bị cáo và người bị hại về nội dung vụ án.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với Kết luận giám định số 03 ngày 05/12/2016 và số 10 ngày 22/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 5/2016, tại khu vực thuộc phường Q và phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn D có hành vi dùng thủ đoạn gian dối dưới hình thức rủ góp tiền mua xe ô tô chung, để chiếm đoạt của anh Vũ Đức T 340.000.000đồng và chiếm đoạt của vợ chồng chị Nguyễn Thị Ái L, anh Nguyễn Ngọc T1 100.000.000đồng. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt là 440.000.000đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi gian dối, lợi dụng sự tin tưởng của người khác, để họ giao tài sản cho mình rồi chiếm đoạt. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hai lần hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều cấu thành một tội phạm độc lập, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Ngoài ra bị cáo đã có hai tiền án chưa được xóa án tích, ra tù ngày 11/12/2012, nhưng đến tháng 7/2013 lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, nên bị cáo phải bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng là “*tái phạm nguy hiểm*” cũng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã trả trả lại một phần tài sản cho người bị hại là anh Vũ Đức T, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, nhưng dù có xem xét giảm nhẹ hình phạt đến đâu thì việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, mới có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

Do bị cáo đang chấp hành hình phạt 03 năm tù theo quyết định của Bản án số 58/2017/HSPT ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Vũ Đức T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000.000đồng, anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Ái L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 100.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của những người bị hại là hợp pháp nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại số tiền như các bị hại yêu cầu.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999. Xét thấy bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt 03 năm tù, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Không có.

Đối với chị Nguyễn Thị D có hành vi nhận 74 triệu đồng của anh Vũ Đức T rồi chuyển lại cho D, nhưng không biết đó là tiền D lừa đảo chiếm đoạt của anh T, cơ quan điều tra không xử lý, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 5/2016, Nguyễn Văn D còn thỏa thuận, nhận 70 triệu đồng của anh Vũ Đức T, 50 triệu đồng của vợ chồng chị Nguyễn Thị Ái L, anh Nguyễn Ngọc T1 để góp tiền chung mua rừng keo để khai thác gỗ; D vay của vợ chồng chị Nguyễn Thị Ái L 50 triệu đồng để chi tiêu cá nhân; D nợ anh Võ Quang A tiền mua gỗ keo và tiền cước vận chuyển gỗ tổng số tiền 39.500.000 đồng. Quá trình điều xác định các vụ việc trên là quan hệ giao dịch dân sự nên không xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử cũng không đề cập giải quyết.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội: "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**".

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn D** 09 (chín) năm tù về tội: "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**". Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 58/2017/HSPT ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2016 (ngày bị cáo bị bắt tạm giam theo bản án số 58/2017/HSPT ngày 21/02/2017), được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/5/2015 đến ngày 11/6/2015 (theo quyết định của bản án số 58/2017/HSPT ngày 21/02/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải trả cho: anh Vũ Đức T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và trả cho anh chị Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị Ái L số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả lại tiền hoặc trả lại không đầy đủ số tiền trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và những người bị hại. Báo cho bị cáo, những người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND TP. Cẩm Phả;
- Công an TP. Cẩm Phả (02 bản);
- Trại giam Quyết Tiến (Tuyên Quang);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ, văn phòng, THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Phạm Duy Hải